

ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
ĐẢNG ỦY ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đồng Nai, ngày 23 tháng 6 năm 2026

*
Số 3657 -CV/ĐU

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU
ngày 17/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng khối
đại đoàn kết toàn dân tộc, phát triển toàn diện vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và vùng biên giới

Kính gửi: Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố.

Ngày 17/6/2026, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng biên giới (có file văn bản gửi kèm theo).

Thường trực Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố kính gửi và đề nghị các đồng chí chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung của Nghị quyết nêu trên và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên,
- BTGDV TU,
- TT ĐU UBND TP,
- VP UBND TP.
- Lưu VP, BTGDVĐU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Trương Thị Kim Huệ

THÀNH ỦY ĐỒNG NAI

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 08 - NQ/TU

Đồng Nai, ngày 17 tháng 6 năm 2026

ĐUUBND TP. ĐỒNG NAI

ĐẾN Số: 5726
Ngày: 18/06/2026

NGHỊ QUYẾT

CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng biên giới

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Thành phố Đồng Nai được thành lập theo Nghị quyết số 30-NQ/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội Việt Nam và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 30/4/2026. Thành phố có diện tích tự nhiên 12.737,18 km², chiếm 3,84% diện tích cả nước và khoảng 45,4% diện tích vùng Đông Nam Bộ; dân số trên 4,5 triệu người, đứng thứ 5 cả nước. Thành phố hiện có 95 đơn vị hành chính cấp xã, phường (gồm 62 xã và 33 phường), với 1.772 ấp, thôn, khu phố; trung tâm hành chính - chính trị đặt tại phường Trảng Biên. Toàn Đảng bộ thành phố có 99 đảng bộ trực thuộc với 3.737 tổ chức đảng¹. Thành phố có đường biên giới² dài 258,939 km tiếp giáp với Campuchia³.

Trên địa bàn thành phố hiện có 421.090 đồng bào dân tộc thiểu số (chiếm gần 9,4% dân số), gồm 37 dân tộc⁴ anh em sinh sống xen kẽ tại các xã, phường. Đồng bào dân tộc thiểu số tập trung chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và vùng căn cứ kháng chiến cũ, địa bàn có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng và phong phú về văn hóa của thành phố. Theo phân định giai đoạn 2026-2030⁵, thành phố có 538 thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó có 458 thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, 221 thôn thuộc vùng miền núi và 41 thôn đặc biệt khó khăn. Đồng thời, thành phố có 46 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gồm 34 xã khu vực I, 09 xã khu vực II và 03 xã khu vực III; có 08 xã biên giới⁶.

¹ Trong đó, có 385 đảng bộ cơ sở, 1.580 chi bộ cơ sở và 1.772 chi bộ thôn, sóc, ấp, khu phố, và 135.087 đảng viên (5.393 đảng viên là dân tộc thiểu số; 7.574 đảng viên là người theo tôn giáo, 14.209 đảng viên là đoàn TNCS, 54.540 đảng viên nữ).

² Có 28 cột mốc chính, 353 cột mốc phụ, với 16 Đồn Biên phòng.

³ Mondulkiri, Kratie, Tboung Khmum.

⁴ Cụ thể:

- Có 06 DTTS có từ 10.000 đến trên 100.000 người gồm: Tày, Hoa, Khmer, Nùng, S'tiêng, Chơ Ro.
- Có 10 DTTS có dân số từ trên 1.000 đến dưới 10.000 người gồm: Mnông, Thái, Mường, Dao, Gia Rai, Ê đê, Cơ ho, Sán Diu, Chăm, Châu Mạ.
- Có 07 DTTS có dân số từ 100 đến dưới 1.000 người gồm: Xơ đăng, Sán Chay, Raglay, Mông, Thổ, Kơ Mú, Co.
- Có 14 DTTS có dân số dưới 100 người: Ngái, Giáy, Giê Triêng, Tà Ôi, Kháng, Chu Ru, La Chí, Phù Lá, Si La, Pu Péo, Odu, Bru VânKiều, Hrê, Ba Na.

⁵ Quyết định số 104/QĐ-BD TTG ngày 27/02/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 đợt 2.

⁶ Cụ thể: Lộc Tấn, Lộc Thạnh, Tân Tiến, Đăk Ô, Hưng Phước, Thiện Hưng, Lộc Thành và Bù Gia Mập

Trong thời gian qua, các cấp ủy đảng, chính quyền và hệ thống chính trị của thành phố đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc đạt nhiều kết quả quan trọng. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và biên giới được quan tâm đầu tư, nhất là hạ tầng thiết yếu. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được nâng lên; hệ thống chính trị cơ sở được củng cố; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Khối đại đoàn kết các dân tộc tiếp tục được tăng cường; các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và biên giới của thành phố vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Quy mô kinh tế còn nhỏ; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm và chưa bền vững. Kết cấu hạ tầng tuy được đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; việc huy động và sử dụng các nguồn lực đầu tư còn hạn chế. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao so với mặt bằng chung của thành phố; chất lượng giáo dục, y tế ở một số địa bàn còn thấp. Một số giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc có nguy cơ mai một; tình trạng trông chờ, ỷ lại và một số phong tục, tập quán lạc hậu vẫn còn tồn tại trong một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số. Trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, dẫn đến hệ thống chính trị cơ sở ở một số nơi còn hạn chế. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và biên giới vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp, có nguy cơ ảnh hưởng đến ổn định và khối đại đoàn kết các dân tộc.

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, chủ yếu do điểm xuất phát kinh tế của vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp; tập quán sản xuất của một bộ phận người dân còn lạc hậu; điều kiện tiếp cận khoa học - kỹ thuật và thông tin còn nhiều khó khăn. Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, ngành và địa phương về công tác dân tộc chưa đầy đủ và toàn diện. Một bộ phận cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và biên giới chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tâm lý tự ti, trông chờ, ỷ lại của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số chậm được khắc phục.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Kiên trì, nhất quán thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc; bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ chiến lược, cơ bản, lâu dài của cả hệ thống chính trị; đồng thời là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển Đồng Nai trở thành đô thị hiện đại, văn minh, phát triển nhanh và bền vững.

- Phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới phải đặt trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển đô thị, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, logistics với phát triển nông thôn, miền núi, biên giới; bảo đảm hài hòa, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng và các nhóm dân cư.

- Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới.

- Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là người dân tộc thiểu số.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới, ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với xây dựng môi trường văn hóa tiên bộ, văn minh.

2. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường và nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và biên giới vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới theo hướng hiện đại, đồng bộ, gắn với đô thị hóa, chuyển đổi số và phát triển kinh tế xanh của thành phố trực thuộc Trung ương. Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa; phát triển nguồn nhân lực; tạo sinh kế bền vững, nâng cao thu nhập và đời sống Nhân dân.

Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; góp phần xây dựng Đồng Nai trở thành cực tăng trưởng quan trọng của vùng Đông Nam Bộ và cả nước.

Đến năm 2030 cơ bản hoàn thành các mục tiêu của chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc Hội.

3. Các nhiệm vụ trọng tâm đột phá

3.1. Tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng thiết yếu và hạ tầng số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong tuyên truyền, phổ biến chính sách bằng tiếng dân tộc; nâng cao kỹ năng số cho Nhân dân.

2. Phát triển sinh kế bền vững gắn với tái cơ cấu nông nghiệp, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết doanh nghiệp và thị trường. Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế từng địa phương; tạo chuyển biến rõ nét trong giảm nghèo, nâng cao thu nhập. Gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm cho lao động, nhất là thanh niên dân tộc thiểu số.

3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu lực, hiệu quả hệ thống chính trị cơ sở. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số; chú trọng tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo cán bộ trẻ, cán bộ nữ. Phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội

4. Chỉ tiêu đến năm 2030, định hướng đến năm 2035

4.1. Đến năm 2030

- *Cán bộ, công chức, viên chức*: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị, phấn đấu 95-100% công chức đạt tiêu chuẩn chức danh theo quy định. Thực hiện lộ trình chuẩn hóa trình độ Đại học trở lên đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và biên giới gắn với vị trí việc làm. Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo và bố trí sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số, đảm bảo tỷ lệ phù hợp với quy định của Trung ương và cơ cấu dân cư tại địa phương. Đảm bảo 100% cán bộ chuyên trách công tác dân tộc được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và kỹ năng vận động quần chúng. Tăng cường phát triển Đảng viên và bố trí cán bộ là người dân tộc thiểu số tham gia cấp ủy, giữ các vị trí chủ chốt tại cơ sở.

- *Kinh tế - thu nhập*: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt 10%-12%/năm; đến năm 2030, thu nhập bình quân của đồng bào dân tộc thiểu số đạt khoảng 2/3 mức bình quân chung của thành phố; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm còn dưới 2% theo chuẩn nghèo đa chiều của Trung ương; bảo đảm giảm nghèo bền vững, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng

- *Hạ tầng và điều kiện sống*: Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, phấn đấu cơ bản không còn thôn, xã thuộc diện đặc biệt khó khăn. Đảm bảo 100% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn quy định. Phấn đấu 100% xã có hệ thống giao thông kết nối thuận lợi. Đồng thời, ưu tiên đầu tư hạ tầng số và viễn thông hiện đại, bảo đảm phủ sóng Internet băng rộng đến toàn bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới, tạo nền tảng vững chắc để thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.

- *Giáo dục và đào tạo nghề*: Tập trung nâng cao dân trí và chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới; phấn đấu 95% học sinh trong độ tuổi được đến trường, tỷ lệ bỏ học còn dưới 2%. Hoàn thành mục tiêu xóa mù chữ mức độ 2 cho người từ 15 tuổi đến 60 tuổi; đảm bảo trên 98% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, trung học cơ sở và tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông đạt từ 95% trở lên. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ với 100% giáo viên và cán bộ quản lý được bồi dưỡng, ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giảng dạy. Đồng thời, đẩy mạnh đào tạo nghề cho khoảng 50% lao động trong độ tuổi gắn với nhu cầu thực tiễn của địa phương, phấn đấu tỷ lệ có việc làm sau đào tạo đạt 65-70%.

- *Về y tế, chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển*: Đảm bảo 100% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế; nâng cao toàn diện chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, phấn đấu đạt tỷ lệ 13-15 bác sĩ/vạn dân. Chú trọng cải thiện thể trạng trẻ em, mục tiêu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống còn 15% và thể nhẹ cân còn 5%. Thực hiện hiệu quả chiến lược dân số và phát triển, đảm bảo 100% người dân trong độ tuổi được phổ biến kiến thức về sức khỏe sinh sản. Đối với các dân tộc thiểu số có quy mô dưới 10.000 người, tập trung nâng cao các chỉ tiêu chất lượng dân số và duy trì tốc độ tăng trưởng dân số cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Đồng thời, triển khai quyết liệt các giải pháp nhằm ngăn chặn, tiến tới xóa bỏ tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- *Văn hóa - xã hội*: Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch bền vững. Phân đầu đến năm 2030: Có ít nhất 80% lễ hội truyền thống tiêu biểu được phục dựng, bảo tồn; 100% thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đội văn nghệ hoặc câu lạc bộ văn hóa; tỷ lệ hộ gia đình tham gia thường xuyên các hoạt động văn hóa, thể thao đạt từ 90% trở lên.

- *Quốc phòng - an ninh*: Xây dựng 100% xã, phường, cơ quan, đơn vị vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới vững mạnh toàn diện về quốc phòng - an ninh. Chủ động nắm chắc tình hình, kiên quyết không để phát sinh “điểm nóng”, vụ việc phức tạp về an ninh trật tự; thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giảm thiểu tệ nạn xã hội, ma túy, buôn lậu và tội phạm xuyên biên giới. Đồng thời, đảm bảo 100% cán bộ và lực lượng vũ trang cơ sở được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ bảo đảm an ninh và kỹ năng phòng, chống tội phạm, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

4.2. Định hướng đến năm 2035

- *Cán bộ, công chức, viên chức*: Bảo đảm 100% cán bộ, công chức cơ sở được bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước và kỹ năng vận động quần chúng; chú trọng quy hoạch, đào tạo, tăng tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị các cấp, nhất là tại cấp xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới.

- *Kinh tế - thu nhập*: Phân đầu thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số đạt khoảng 2/3 mức thu nhập bình quân chung của thành phố; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm còn dưới 2%, bảo đảm giảm nghèo bền vững và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng.

- *Hạ tầng và điều kiện sống*: 100% hộ dân được sử dụng điện và nước sinh hoạt thường xuyên, ổn định. Hạ tầng số và viễn thông được hiện đại hóa, bảo đảm kết nối Internet băng rộng và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới.

- *Giáo dục và đào tạo nghề*: Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông đạt từ 98% trở lên. Khoảng 70% lao động dân tộc thiểu số trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế.

- *Về y tế, chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển*: Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; phân đầu đạt 15 bác sĩ/vạn dân; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em, trong đó thể thấp còi dưới 15%, thể nhẹ cân dưới 5%. Thực hiện hiệu quả công tác dân số và phát triển; duy trì mức sinh hợp lý, nâng cao chất lượng dân số; bảo đảm tốc độ tăng và cải thiện các chỉ tiêu chất lượng dân số của các dân tộc thiểu số có quy mô dưới 8.000 người cao hơn mức bình quân chung của cả nước, góp phần phát triển nguồn nhân lực và bảo tồn, phát huy bản sắc các dân tộc.

- *Văn hóa - xã hội*: Phát triển du lịch văn hóa gắn với bảo tồn bản sắc dân tộc. Tăng cường bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- *Quốc phòng - an ninh*: 100% xã, phường, cơ quan, đơn vị vững mạnh về quốc phòng - an ninh. Nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành trong phòng, chống tội phạm, ma túy, buôn lậu và các tệ nạn xã hội; bảo đảm an ninh khu vực biên giới.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác dân tộc

Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng về công tác dân tộc, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới trong tình hình mới. Đổi mới, đa dạng hóa công tác tuyên truyền, vận động, bảo đảm chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc đến được với Nhân dân; gắn với biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến.

Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới; tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp.

Thực hiện tốt công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới theo phương châm “chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, vững chắc”; bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình, kiên trì vận động Nhân dân, bảo đảm hiệu quả, bền vững. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp; phát huy dân chủ ở cơ sở theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; thực hiện tốt giám sát và phản biện xã hội đối với việc thực hiện các chủ trương, chính sách về dân tộc.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc. Quan tâm phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số, nhất là ở địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng biên giới. Phát huy vai trò người có uy tín, già làng, trưởng thôn và các mô hình tự quản trong cộng đồng dân cư.

Đẩy mạnh ứng dụng chuyên đổi số trong công tác tuyên truyền, vận động, đặc biệt trên không gian mạng; mở rộng truyền thông bằng tiếng dân tộc phù hợp. Nâng cao kỹ năng số cho đồng bào dân tộc thiểu số; tạo điều kiện để người dân tiếp cận và ứng dụng hiệu quả khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới theo hướng dẫn của Trung ương. Tập trung huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu, nâng cao đời sống Nhân dân; thực hiện tốt chính sách dân tộc, củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung, lồng ghép và tích hợp các chính sách liên quan, bảo đảm triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035. Thống nhất áp dụng chuẩn nghèo đa chiều của Trung ương; đồng thời huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa và

các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác dân tộc; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi, giám sát, đánh giá và quản lý thực hiện chính sách; từng bước xây dựng chính quyền số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới.

Tập trung phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới theo hướng bền vững, gắn với tái cơ cấu ngành nghề và phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương. Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng hàng hóa, ứng dụng khoa học - kỹ thuật; nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả; phát triển lâm nghiệp gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Cùng cố và phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; phát triển sinh kế bền vững gắn với bảo vệ rừng, môi trường sinh thái; đẩy mạnh OCOP, kinh tế xanh, kinh tế rừng và du lịch sinh thái.

Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phù hợp điều kiện từng vùng, địa phương; khai thác hiệu quả nguyên liệu và lao động tại chỗ; khôi phục và phát triển nghề truyền thống gắn với sản phẩm phục vụ du lịch và xuất khẩu. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch; tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng liên kết tiêu thụ sản phẩm giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới với các khu vực kinh tế trong và ngoài thành phố; thu hút đầu tư phát triển du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là giao thông, thủy lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa; ưu tiên các xã và địa bàn đặc biệt khó khăn. Từng bước giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nhà ở; bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư tại các khu vực cần thiết; bảo đảm người dân được tiếp cận điện, nước sinh hoạt hợp chuẩn, dịch vụ viễn thông, phát thanh, truyền hình và công nghệ thông tin phục vụ sản xuất, đời sống.

Gắn chính sách hỗ trợ với trách nhiệm của người dân; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao kiến thức và kỹ năng sản xuất, tổ chức đời sống; phát huy tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại; khai thác hiệu quả tiềm năng, nguồn lực tại chỗ; chủ động tiếp cận và sử dụng hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và doanh nghiệp; thực hành tiết kiệm, tích lũy để phát triển sản xuất và giảm nghèo bền vững.

Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nghề; mở rộng, nâng cao hiệu quả hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; giảm tỷ lệ học sinh bỏ học. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới. Đổi mới công tác cử tuyển, tuyển sinh và đào tạo nghề cho người dân tộc thiểu số; thực hiện hiệu quả chính sách giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số sau tốt nghiệp; ưu tiên đào tạo, sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số.

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân; bảo đảm tiếp cận dịch vụ y tế cơ bản cho đồng bào dân tộc thiểu số; phát triển đội ngũ cán bộ y tế là người dân

tộc thiểu số; thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm y tế; nâng cao thể trạng, tâm vóc và tuổi thọ; kiểm soát suy dinh dưỡng trẻ em; thực hiện tốt công tác dân số và phát triển, góp phần nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; giữ gìn tiếng nói, chữ viết dân tộc; gắn bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch; từng bước xóa bỏ tập tục lạc hậu.

3. Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số, nhất là tại các địa bàn còn nhiều khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới.

Tăng cường công tác tạo nguồn, phát hiện, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; đồng thời có cơ chế thu hút, trọng dụng cán bộ trẻ, cán bộ nữ là người dân tộc thiểu số, bảo đảm tính kế thừa, phát triển bền vững đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị. Bảo đảm cơ cấu, tỷ lệ phù hợp cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập từ thành phố đến cơ sở theo quy định của Trung ương; gắn với quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng hiệu quả.

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy định về chỉ tiêu tổng thể đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số trong toàn hệ thống chính trị; bảo đảm có cơ sở thống nhất đánh giá, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

4. Bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội

Xây dựng và củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới. Chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành và lực lượng chức năng trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự; chủ động phòng ngừa, kịp thời giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp, vụ việc phát sinh ngay từ cơ sở, không để hình thành "điểm nóng", "điểm phức tạp" về an ninh, trật tự tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới.

Đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; tập trung đấu tranh, ngăn chặn hiệu quả các loại tội phạm liên quan đến ma túy, buôn lậu, gian lận thương mại và các loại tội phạm xuyên biên giới. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng chức năng trong quản lý, kiểm soát khu vực biên giới, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Thực hiện tốt chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật. Chủ động phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để kích động, lôi kéo, gây mất ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Phát huy vai trò

của người có uy tín, già làng, trưởng bản, chức sắc, chức việc tôn giáo và lực lượng cốt cán trong cộng đồng các dân tộc trong tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, vận động nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia giữ gìn an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức quốc phòng - an ninh cho đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng địa bàn an toàn, góp phần thực hiện mục tiêu giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Thành ủy: Chỉ đạo quán triệt, cụ thể hóa Nghị quyết thành kế hoạch hành động; hằng năm nghe Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo và chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là trong điều phối nguồn lực cho các dự án hạ tầng trọng điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới. Tổ chức sơ kết giữa nhiệm kỳ (năm 2028), tổng kết cuối nhiệm kỳ (năm 2030) việc thực hiện Nghị quyết; trên cơ sở đó kịp thời chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân và Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; tổ chức triển khai chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể; chủ trì bố trí nguồn lực, nhất là vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm; huy động các nguồn lực xã hội hóa; bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá. Chỉ đạo xây dựng bộ chỉ số đánh giá định kỳ các mục tiêu trọng tâm, đặc biệt về thu nhập, phát triển kinh tế số và hạ tầng số; tăng cường lồng ghép, điều phối các nguồn lực, thường xuyên theo dõi, kiểm tra tiến độ và báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy. Chủ trì sơ kết hằng năm theo bộ chỉ số, tạo cơ sở đánh giá định lượng các chỉ tiêu về thu nhập, chuyển đổi số và sinh kế bền vững.

3. Ban Tổ chức Thành ủy: Chủ trì rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc; tham mưu lộ trình quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ công tác tại địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

4. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy: Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất việc triển khai Nghị quyết; chú trọng kiểm tra tính minh bạch, hiệu quả trong quản lý, sử dụng nguồn lực đầu tư; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các biểu hiện vi phạm, thiếu trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

5. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc thành phố lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp Nhân dân, tạo sự đồng thuận trong thực hiện các chính sách dân tộc; chủ trì, phối hợp phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội đối với việc thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc và cơ chế "Giao

ước kết nghĩa” trên địa bàn thành phố, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đồng bào các dân tộc thiểu số với cấp ủy, chính quyền các cấp. Đây mạnh các phong trào thi đua yêu nước; tăng cường huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa cho phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân. Nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội, bảo đảm thực hiện đầy đủ phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

6. Đảng ủy các xã, phường và các Đảng ủy trực thuộc Thành ủy cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, đơn vị; đưa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết vào nội dung đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng và trách nhiệm người đứng đầu hằng năm.

7. Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy chủ trì, phối hợp tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết bằng các hình thức phù hợp, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; thường xuyên theo dõi, nắm tình hình tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; tổng hợp kết quả triển khai và kịp thời tham mưu, báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy.

Nghị quyết này được phổ biến, quán triệt đến chi bộ để thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Ban Tuyên giáo và Dân vận TW (để b/c);
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo (để b/c);
- Vụ Địa phương 3 (Ban TG&DVTW);
- TTTU, HỒND, UBND thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Các Đảng ủy trực thuộc Thành ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- Đảng ủy các xã, phường;
- Các đồng chí Thành ủy viên;
- LĐ VPTU-H,T;
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

**T/M THÀNH ỦY
BÍ THƯ**



Vũ Hồng Văn



THÀNH ỦY ĐỒNG NAI

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đồng Nai, ngày 7 tháng 6 năm 2026

PHỤ LỤC

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát triển toàn diện vùng đồng bằng bảo dân tộc thiểu số và vùng biên giới”

(Kèm theo Nghị quyết số 08 -NQ/TU, ngày 7 tháng 6 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố)

Stt	Nội dung nhiệm vụ chủ yếu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân	Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy	Các cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, các đảng ủy trực thuộc thành phố	Tháng 6/2026 và thường xuyên
2	Xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết	Đảng ủy UBND thành phố	Các sở, ban, ngành liên quan	Tháng 6/2026
3	Rà soát, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách của địa phương cho vùng đồng bằng dân tộc và miền núi, vùng biên giới	HDND, UBND thành phố	Các sở, ngành liên quan	Tháng 7/2026
4	Bổ trí nguồn lực đầu tư hạ tầng giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế, hạ tầng số tại vùng DTTS và miền núi, vùng biên giới	HDND, UBND thành phố	Các Sở ngành liên quan, các địa phương	Tháng 8/2026

5	Đề xuất xây dựng và triển khai các mô hình phát triển sinh kế bền vững, giảm nghèo, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Dân tộc và Tôn giáo, các Sở ngành liên quan, UBND cấp xã	Tháng 8/2026
6	Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển hạ tầng viễn thông, nâng cao kỹ năng số cho đồng bào đồng bào dân tộc	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ngành liên quan, các doanh nghiệp viễn thông	Tháng 7/2026
7	Xây dựng cơ sở dữ liệu về đồng bào dân tộc thiểu số; ứng dụng CNTT trong quản lý, theo dõi thực hiện chính sách	UBND thành phố	Các sở, ngành liên quan và UBND cấp xã	2026-2028
8	Nâng cao chất lượng giáo dục, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học; mở rộng đào tạo nghề gần giải quyết việc làm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành liên quan và UBND cấp xã	Hàng năm
9	Thực hiện hiệu quả chính sách chăm sóc sức khỏe Nhân dân, bảo hiểm y tế, nâng cao chất lượng dân số	Sở Y tế	Các sở, ngành liên quan và UBND cấp xã,	Hàng năm
10	Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành liên quan, MTTQ, các tổ chức chính trị-xã hội, UBND cấp xã	2026-2030
11	Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS; thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	Ban Tổ chức Thành ủy	Sở Nội vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo, các đảng ủy trực thuộc	Hàng năm
12	Tăng cường phát triển đảng viên là người DTTS; củng cố hệ thống chính trị cơ sở	Các đảng ủy trực thuộc	Ban Tổ chức Thành ủy	Hàng năm
13	Phát huy vai trò người có uy tín, già làng, trưởng thôn trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân	Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố	Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, Công an, các sở, ngành liên quan và UBND cấp xã	Thường xuyên

14	Tăng cường bảo đảm quốc phòng - an ninh, quản lý địa bàn biên giới; phòng chống tội phạm, ma túy, buôn lậu	Công an thành phố, Ban Chỉ huy Quân sự thành phố	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Cấp ủy, UBND cấp xã	Thường xuyên
15	Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức pháp luật cho đồng bào DTTS	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Tư pháp, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, UBND cấp xã	Hàng năm
16	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết	Ủy ban Kiểm tra Thành ủy	Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, UBND thành phố, Các sở, ngành liên quan, cấp ủy, UBND cấp xã	Hàng năm; sơ kết 2028, tổng kết 2030
17	Xây dựng bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết	Đảng ủy UBND thành phố	Các sở, ngành liên quan	Tháng 9/2026
18	Huy động nguồn lực xã hội hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và biên giới	UBND thành phố, Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố,	Các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp	Thường xuyên



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Đồng Nai, ngày 17 tháng 6 năm 2026

PHỤ LỤC
HỆ THỐNG CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035

(Kèm theo Nghị quyết số 08 -NQ/TU, ngày 17 tháng 6 năm 2026
của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố)

I. CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ - HẠ TẦNG

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu 2030	Định hướng 2035
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt 10%-12%/năm; Thu nhập bình quân của đồng bào DTTS so với mức bình quân chung của thành phố	%/năm Lần	Bằng 2/3 bình quân Thành phố	Tiếp tục nâng cao thu nhập, thu hẹp khoảng cách phát triển
2	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng DTTS (giảm)	%/năm	1,5 - 2,0	Duy trì dưới 2%
3	Xã đạt chuẩn nông thôn mới (vùng DTTS & biên giới)	%	100	Nâng cao, kiểu mẫu
4	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác	%	100	100% ổn định
5	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh	%	100	100% ổn định
6	Tỷ lệ xã có đường giao thông thuận lợi	%	100	Hiện đại hóa
7	Tỷ lệ thôn được phủ sóng Internet băng rộng	%	100	Toàn diện

II. CHỈ TIÊU VỀ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ NGHỀ NGHIỆP

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu 2030	Định hướng 2035
1	Học sinh trong độ tuổi đến trường	%	95	> 98
2	Tỷ lệ tốt nghiệp Trung học phổ thông	%	> 95	> 98
3	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề	%	50	70
4	Tỷ lệ có việc làm sau đào tạo nghề	%	65 - 70	> 80

5	Giáo viên đạt chuẩn ứng dụng CNTT	%	100	Duy trì 100%
---	-----------------------------------	---	-----	--------------

III. CHỈ TIÊU VỀ Y TẾ - DÂN SỐ

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu 2030	Định hướng 2035
1	Tỷ lệ đồng bào DTTS tham gia BHYT	%	100	Duy trì 100%
2	Số bác sĩ trên một vạn dân	Bác sĩ	13 - 15	> 15
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thấp còi)	%	< 15	Tiếp tục giảm
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (nhẹ cân)	%	< 5	Tiếp tục giảm
5	Xóa bỏ tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết	Địa bàn	Cơ bản xóa bỏ	Xóa bỏ hoàn toàn

IV. CHỈ TIÊU VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu 2030	Định hướng 2035
1	Công chức cấp xã đạt chuẩn chức danh quy định	%	95 - 100	100
2	Cán bộ chuyên trách dân tộc được bồi dưỡng	%	100	100
3	Tỷ lệ đảng viên mới là người DTTS	%	Phù hợp cơ cấu	Tăng trưởng
4	Xã, phường vững mạnh về quốc phòng - an ninh	%	100% cơ quan, đơn vị	Bền vững

* **Ghi chú:** Các chỉ tiêu trên là căn cứ để các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hằng năm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.